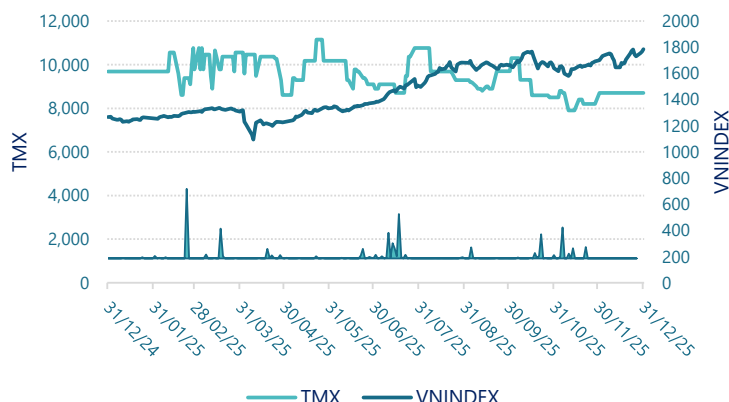


CTCP VICEM Thương mại Xi măng (HNX: TMX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,149
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,900
SL cổ phiếu LH	6,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	130
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	52
P/E	12.0
EPS	724

DT thuần

Q4/25

132

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00 | 5.8%

YoY: ▼ 9.00 | -6.2%

LN sau thuế

Q4/25

0.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 3.48 | -98.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.2%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

2025

495

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.00 | 1.1%

LN sau thuế

2025

4.35

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.07 | 239%

ROE

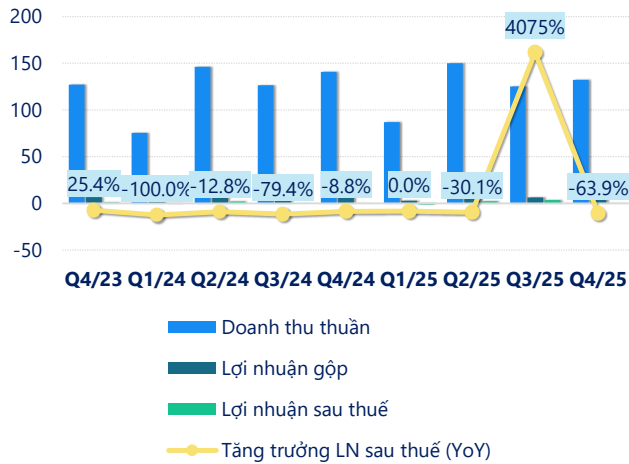
2025

4.8%

+/- YoY: ▲ 3.4%

tỷ VNĐ

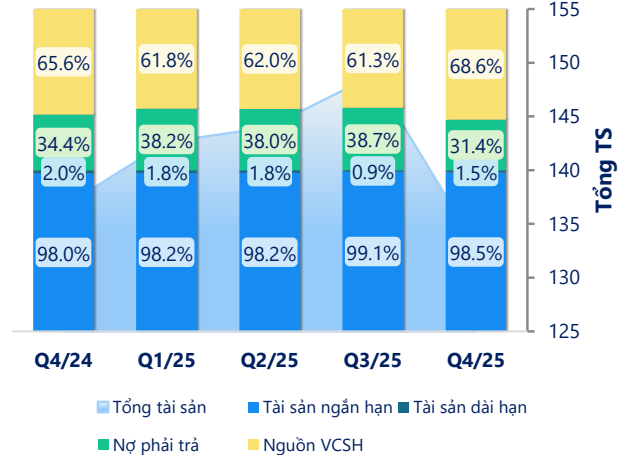
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

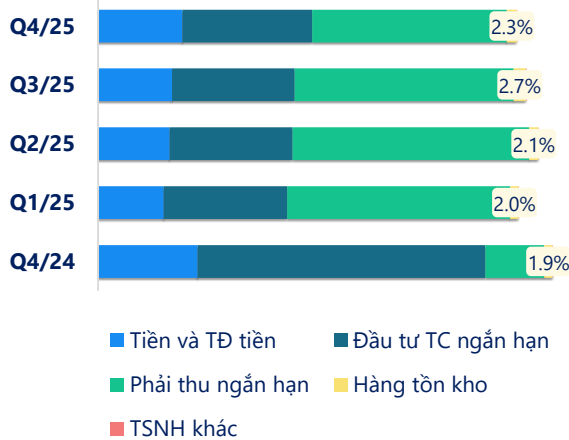
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



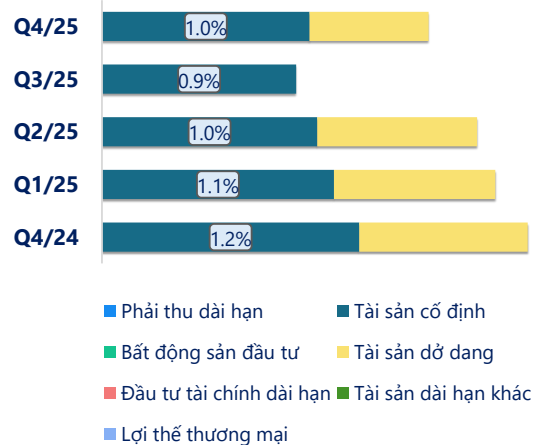
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

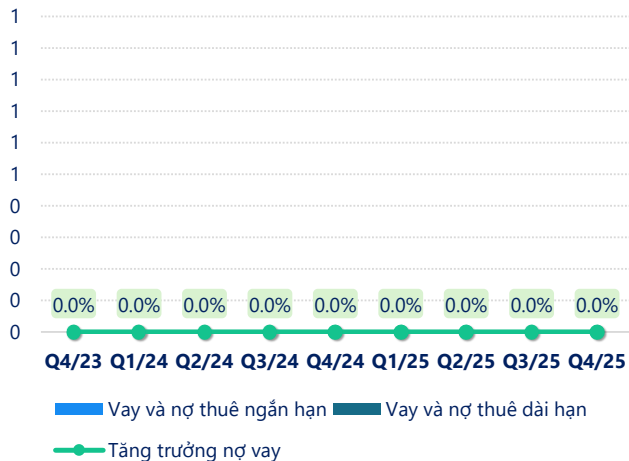
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

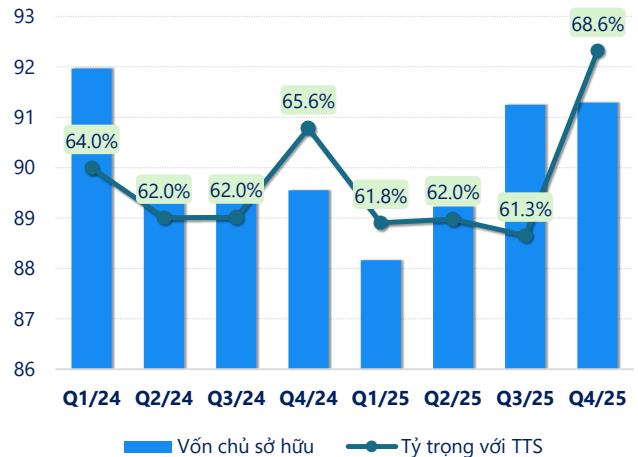
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

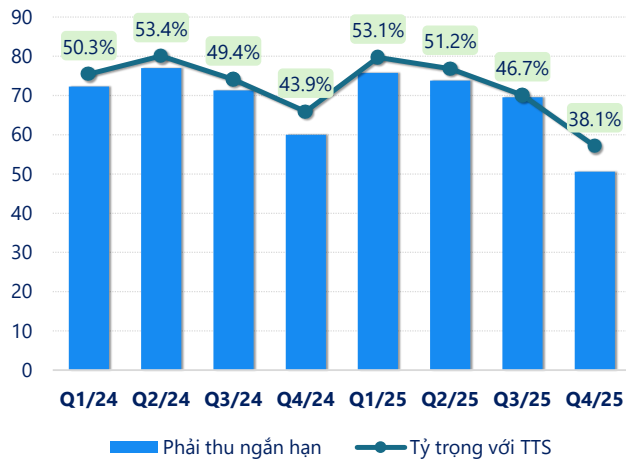
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



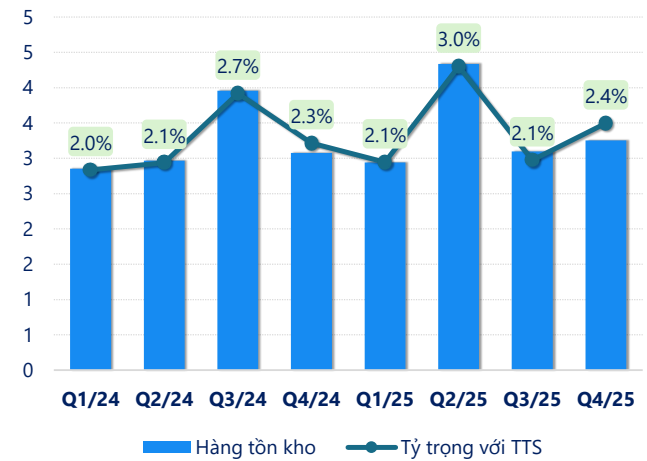
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


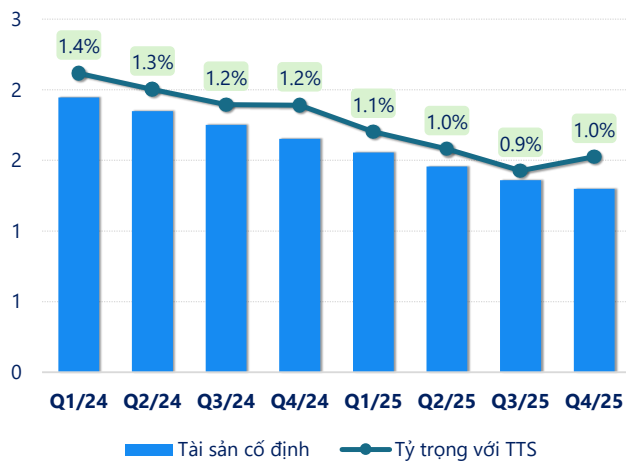
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


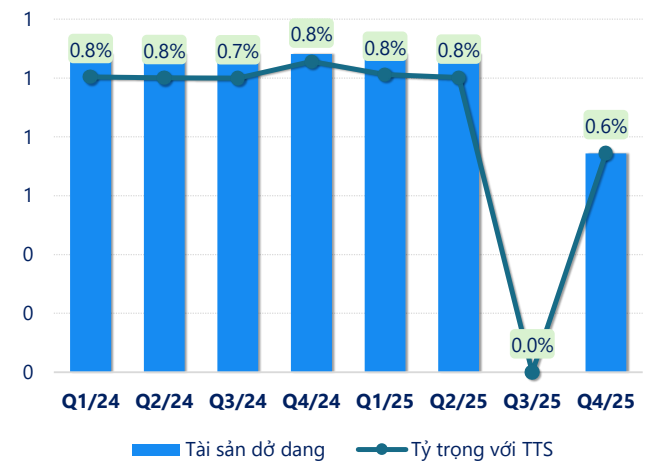
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

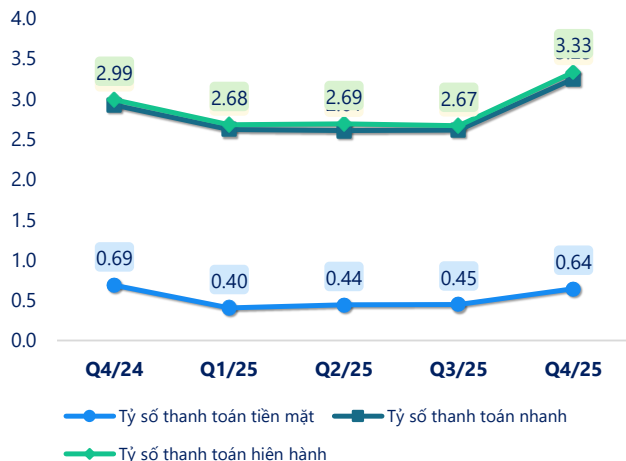
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

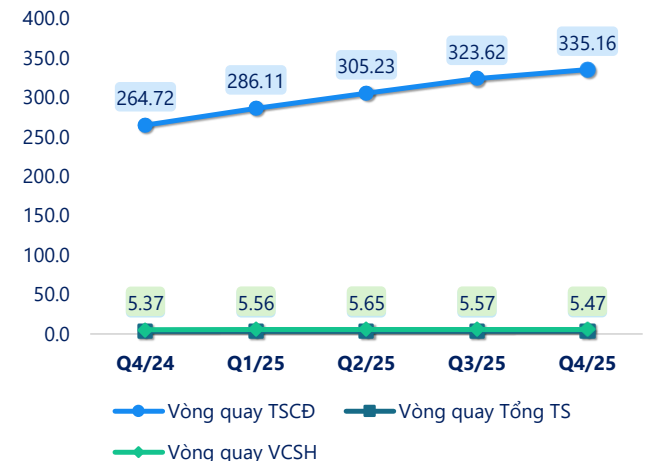
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	137	143	144	149	133
Tài sản ngắn hạn	134	140	141	147	131
Tiền và tương đương tiền	30.7	21.2	23.3	24.8	25.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	40.0	40.0	50.0	50.0
Phải thu ngắn hạn	60.0	75.8	73.8	69.6	50.6
Hàng tồn kho	3.08	2.94	4.33	3.10	3.25
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.10	0.06	0.03	1.76
Tài sản dài hạn	2.73	2.64	2.54	1.36	2.04
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1.65	1.56	1.46	1.36	1.30
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.08	1.08	1.08	0	0.74
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	47.0	54.5	54.8	57.6	41.7
Nợ ngắn hạn	44.7	52.3	52.6	55.3	39.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	26.4	39.1	38.2	37.7	23.7
Nợ dài hạn	2.29	2.19	2.19	2.31	2.43
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	89.5	88.2	89.2	91.2	91.3
Vốn chủ sở hữu	89.5	88.2	89.2	91.2	91.3
Vốn điều lệ	60.0	60.0	6.00	60.0	60.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)